

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

– *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1 – A N V A, sinh năm 1992.

2 – Chị N T P T, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số nhà 14, ngách 9, ngõ 87 đường Lê Văn Hiến, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tình cảm:* Chị NTPT và A NVA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2018 tại UBND phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống, đến tháng 10/2022 thì chị T– A A phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề chung của gia đình. Từ đó dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Do không thể chung sống hạnh phúc và không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn, chị T và A A đã ly thân. Hiện nay A chị đều xác định không thể tiếp tục hôn nhân, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị NTPT và A N V A là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần được ghi nhận.

[2] *Về con chung:* Chị NTPT và A NVA có 02 con chung là cháu NVTD, sinh ngày 12/10/2018 và cháu NVHP, sinh ngày 28/6/2021.

Ly hôn, A VA, chị T thống nhất thỏa thuận chị T là người trực tiếp nuôi cả hai con chung, A Việt A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho cả hai con (mỗi cháu 500.000 đồng/ tháng). Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T và A Nguyễn Việt A phải chịu lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/3/2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Việt A.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Việt A có hai con chung là cháu NVTD, sinh ngày 12/10/2018 và cháu NVHP, sinh ngày 28/6/2021.

Giao cả hai con chung cho chị NTPT trực tiếp nuôi dưỡng; A Nguyễn Việt A có trách nhiệm cấp dưỡng cho cả hai con chung (Cháu Dương và cháu Phúc) cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Mức cấp dưỡng đối với từng con chung là 500.000đ/tháng (Năm trăm nghìn đồng/tháng).

A Nguyễn Việt A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà – đất chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: A Nguyễn Việt A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí A đã nộp theo biên lai số AA/2020/0043715 ngày 07/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Xác nhận chị Nguyễn Thị Phương T và A Nguyễn Việt A đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Quang Hậu